

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKNII ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II)

Tên nghề	: QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH
Mã nghề	: 5480209
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học cơ sở
Thời gian đào tạo	: 2 năm (4 học kỳ)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả nghề đào tạo

Quản trị mạng máy tính trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc cài đặt, hỗ trợ, quản lý mạng và hệ thống máy tính giúp thông tin luôn được lưu thông; thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng, duy trì phần cứng và phần mềm mạng, khắc phục sự cố mạng và đảm bảo an ninh mạng, tính khả dụng và các tiêu chuẩn hiệu suất, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm việc trong ngành/ngành Quản trị mạng máy tính làm việc tại các cơ quan, đơn vị chuyên ngành, các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần mạng máy tính. Người làm việc trong ngành/ngành Quản trị mạng máy tính là người có kiến thức lý thuyết rộng, kiến thức thực tế cần thiết, kỹ năng thực hành chuyên sâu, sáng tạo vào thực tế công tác và tự học tập. Người hành nghề cần phải có đủ sức khỏe, có tâm về nghề nghiệp và có khả năng tổ chức và quản lý công việc.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

- Có kiến thức cơ bản về Triết học Mác –Lênin, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;

- Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc;

- Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất; tiếp cận được với cách mạng công nghiệp 4.0.

- Cài đặt, cấu hình và quản trị hệ thống mạng

- Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;

- Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;

- Xây dựng được các ứng dụng đơn giản trên hệ thống mạng;

2.2. Mục tiêu cụ thể:

□ Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;

- Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;

- Phân tích được nhu cầu sử dụng hệ thống mạng của khách hàng;

- Phân tích được nhu cầu nâng cấp, tối ưu hóa hệ thống mạng.

- Xác lập được mô hình, chính sách mạng;

- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;

- Xác định được chức năng, hoạt động của thiết bị mạng trong hệ thống;

- Trình bày được quy trình kiểm tra các thiết bị mạng, thông mạng;

- Trình bày chính xác cấu trúc và vai trò của các dịch vụ mạng, các kiến thức mạng máy tính, quản trị mạng;

- Xác định được các yêu cầu khai thác, cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo trong phần mềm;
 - Mô tả được các bước lập báo cáo về hiệu suất sử dụng mạng;
 - Xác định được mô hình, hệ thống mạng cần thiết cho việc khai thác dịch vụ CNTT;
 - Mô tả được cách thiết kế và lắp đặt mạng không dây;
 - Liệt kê được các nguy cơ, sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu cũng như đề xuất được các giải pháp xử lý sự cố; Phân loại được các loại vi-rút và các phần mềm diệt vi-rút;
 - Phân tích, đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng ;
 - Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
 - Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;
 - Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- **Kỹ năng:**
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
 - Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;
 - Thiết kế, xây dựng và triển khai được hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình;
 - Cài đặt, cấu hình và quản trị được hệ thống mạng sử dụng hệ điều hành máy chủ;
 - Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;
 - Cấu hình chính xác các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router,...;
 - Sử dụng được hệ thống bảo mật, mã hóa được dữ liệu;
 - Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;
 - Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;

- Vận dụng, lựa chọn được thiết bị hệ thống mạng không dây;
- Bảo dưỡng và khắc phục được lỗi hệ thống mạng không dây;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;
- Tham gia được công việc của nhóm;
- Quản lý được các sự cố và tình huống khẩn cấp;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản

□ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Thực hiện đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, có đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ tốt; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phân tích và thiết kế hệ thống mạng;
- Lắp đặt, cấu hình hệ thống mạng;
- Triển khai dịch vụ mạng và quản trị đối tượng sử dụng mạng;
- Quản trị hệ thống phần mềm;
- Bảo trì và sửa chữa hệ thống mạng;
- Quản trị mạng máy tính;

- Giám sát hệ thống mạng

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 19

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 74 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1650 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 514 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1323 giờ;

Thi, Kiểm tra: 68 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Ứng xử nghề nghiệp
2	NLCB-02	Thích nghi nghề nghiệp
3	NLCB-03	Ứng dụng công nghệ số
4	NLCB-04	An toàn lao động
5	NLCB-05	Rèn luyện sức khỏe nghề nghiệp
6	NLCB-06	Đạo đức nghề nghiệp
7	NLCC-01	Hiểu biết về CNTT cơ bản
8	NLCC-02	Sử dụng máy tính cơ bản
9	NLCC-03	Xử lý văn bản cơ bản
10	NLCC-04	Sử dụng bảng tính cơ bản
11	NLCC-05	Sử dụng trình chiếu cơ bản
12	NLCC-06	Sử dụng Internet cơ bản

13	NLCC-07	Sử dụng thiết bị số
14	NLCC-08	Nhận dạng, phân loại thiết bị phần cứng
15	NLCC-09	Lắp ráp, cài đặt máy tính
16	NLCC-10	Cài đặt phần mềm máy tính
17	NLCC-11	Thiết lập môi trường làm việc cho máy tính cá nhân
18	NLCC-12	Sử dụng hệ điều hành và phần cứng máy tính
19	NLCC-13	Phát hiện, ngăn chặn, loại bỏ spam và malware
20	NLCC-14	Giải quyết các sự cố CNTT thông thường
21	NLCC-15	Bảo vệ tài sản trí tuệ của đơn vị
22	NLCC-16	Học tập nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ
23	NLCC-17	Sử dụng ngôn ngữ lập trình máy tính cơ bản
24	NLCC-18	Bảo mật máy tính
25	NLCC-19	Phân tích, giải quyết vấn đề một cách logic
26	NLCC-20	Đàm phán, tư vấn giải pháp cho khách hàng
27	NLCC-21	Huấn luyện nhân viên tại chỗ
28	NLCC-22	Quản lý nhân viên cấp dưới
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
29	NLCL-01	Phân tích yêu cầu sử dụng mạng
30	NLCL-02	Xác định phạm vi hệ thống mạng

31	NLCL-03	Xác định các yêu cầu về hệ thống mạng
32	NLCL-04	Thiết kế hệ thống mạng
33	NLCL-05	Lập hồ sơ thiết kế hệ thống mạng
34	NLCL-06	Sử dụng các tiêu chuẩn, quy tắc và thông số kỹ thuật
35	NLCL-07	Sử dụng bản vẽ, sơ đồ thiết kế
36	NLCL-08	Nhận dạng, phân loại các thiết bị mạng
37	NLCL-09	Sử dụng các công cụ lắp đặt thiết bị mạng
38	NLCL-10	Lắp đặt các thiết bị cho hệ thống mạng
39	NLCL-11	Kiểm tra lắp đặt thiết bị hệ thống mạng
40	NLCL-12	Cấu hình các thiết bị hệ thống mạng
41	NLCL-13	Kiểm tra trình trạng thông mạng
42	NLCL-14	Cài đặt dịch vụ quản lý từ xa
43	NLCL-15	Sử dụng dịch vụ quản lý từ xa
44	NLCL-16	Kiểm tra hoạt động hệ thống mạng
45	NLCL-17	Triển khai các dịch vụ mạng
46	NLCL-18	Kiểm tra hoạt động các dịch vụ mạng
47	NLCL-19	Hoạch định đối tượng sử dụng mạng
48	NLCL-20	Quản trị tài khoản người dùng, tài khoản nhóm, OU
49	NLCL-21	Lập hồ sơ quản lý các đối tượng sử dụng mạng

50	NLCL-22	Chia sẻ tài nguyên mạng
51	NLCL-23	Sử dụng tài nguyên mạng
52	NLCL-24	Triển khai ứng dụng trên máy chủ
53	NLCL-25	Triển khai phần mềm cho máy trạm
54	NLCL-26	Triển khai ứng dụng dùng chung
55	NLCL-27	Hoạch định chính sách giám sát
56	NLCL-28	Sử dụng các công cụ giám sát mạng
57	NLCL-29	Giám sát hệ thống mạng
58	NLCL-30	Phân tích dữ liệu giám sát
59	NLCL-31	Lập hồ sơ giám sát mạng
60	NLCL-32	Sử dụng các công cụ phát hiện, ngăn chặn xâm nhập
61	NLCL-33	Sử dụng các công cụ phát hiện, ngăn chặn xâm nhập
62	NLCL-34	Sao lưu và phục hồi dữ liệu
63	NLCL-35	Mã hoá dữ liệu
64	NLCL-36	Đánh giá hệ thống mạng
65	NLCL-37	Lập kế hoạch bảo trì hệ thống mạng
66	NLCL-38	Bảo trì phần mềm ứng dụng trên mạng
67	NLCL-39	Bảo trì máy chủ, máy trạm
68	NLCL-40	Bảo trì thiết bị mạng
69	NLCL-41	Tối ưu hoá dịch vụ trên máy chủ

70	NLCL-42	Xác định sự cố mạng
71	NLCL-43	Xử lý, khắc phục lỗi hệ thống mạng
72	NLCL-44	Sửa chữa, thay thế và nâng cấp thiết bị mạng
73	NLCL-45	Lập phương án cải tiến hệ thống mạng
74	NLCL-46	Thực hiện nâng cấp thiết bị mạng
75	NLCL-47	Thực hiện nâng cấp máy chủ, máy trạm
76	NLCL-48	Thực hiện nâng cấp các dịch vụ mạng
77	NLCL-49	Lập hồ sơ cập nhật quản lý mạng
78	NLCL-50	Phân tích nhu cầu sử dụng mạng không dây
79	NLCL-51	Triển khai mạng không dây
80	NLCL-52	Thao tác với các ứng dụng cơ sở dữ liệu
81	NLCL-53	Quản trị Web Server
82	NLCL-54	Đánh giá hệ thống mạng
83	NLCL-55	Triển khai phần mềm bảo mật
84	NLCL-56	Triển khai thiết bị bảo mật
85	NLCL-57	Kiểm tra hệ thống sau khi bảo mật

6. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài	Thi, Kiểm tra

					tập/thảo luận	
I.	Các môn học chung	11	255	94	148	13
601901901	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
601901902	Pháp luật	1	15	9	5	1
601901903	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
601901904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
601901905	Tin học	2	45	15	29	1
601901906	Tiếng anh	3	90	30	56	4
II.	Các môn học mô đun chuyên môn	44	1200	273	860	67
II.1.	Môn học mô đun cơ sở	13	285	97	168	20
602401807	Lập trình cơ bản	2	45	15	27	3
602401808	Mạng máy tính	3	60	26	30	4
602401809	Anh văn chuyên ngành	3	60	26	30	4
602401810	Kiến trúc máy tính	2	45	15	27	3
602401811	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	15	54	6
II.2.	Môn học mô đun chuyên môn	22	705	105	569	31
602401812	Cài đặt, cấu hình với môi trường windows server	5	120	30	82	8
602401813	Quản trị hệ thống với máy chủ windows server	4	105	30	69	6

602401814	Cấu hình những dịch vụ mạng nâng cao với windows server	3	75	15	54	6
602401815	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	3	75	15	54	6
602401816	Thực tập tốt nghiệp	7	330	15	310	5
II.3.	Môn học, mô đun tự chọn	9	210	71	123	16
602401817	Chuyên đề mạng 1	3	60	26	30	4
602401818	Bảo trì hệ thống mạng	3	75	15	54	6
602401819	Thiết kế và lắp đặt mạng không dây	3	75	30	39	6
TỔNG		55	1455	367	1008	80

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc;

Các môn học chung được thực hiện theo quy định hiện hành. Hình thức giảng dạy các môn học giáo dục chính trị, pháp luật, tin học được áp dụng đào tạo hình thức kết hợp trực tuyến - trực tiếp hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến, gồm:

- Giáo dục chính trị - theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.
- Pháp luật - theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục thể chất - theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục quốc phòng và an ninh - theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Tin học - theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Tiếng anh - theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa;

Căn cứ vào điều kiện cụ thể tổ chức hoạt động ngoại khoá, các hoạt động ngoại khoá được tổ chức theo từng mô đun phù hợp với nội dung đào tạo vào các học kỳ hoặc từng sự kiện trong năm của nhà trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Các hoạt động thể dục, thể thao.	Ngoài giờ học lý thuyết, thực hành và thực tập.
2	Văn hoá, văn nghệ. Qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày. Trong các sự kiện của Nhà trường như: Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, các giải cấp trường, ...
3	Hoạt động thư viện. Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật hoặc vào các dịp lễ, đặc biệt của Đoàn, Đảng, Nhà Trường.
5	Đề giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.	Mỗi học kỳ.

6	Để học sinh, sinh viên có nhận thức đủ về nghề nghiệp đang theo học, Khoa/Trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất.	Mỗi học kỳ hoặc theo nội dung từng môn học và điều kiện cụ thể.
---	---	---

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun;

7.3.1. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn học, mô đun;

- Do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức tự luận, viết, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;
- Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và được Hiệu trưởng quyết định;
- Mỗi một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Môn học lý thuyết 15 tiết/1 điểm kiểm tra; Môn học thực hành hoặc tích hợp từ 30-45 tiết/1 điểm kiểm tra. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.3.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun;

- Đề thi kết thúc môn được bộ phận khảo thí in ấn, nhân bản đảm bảo số lượng cho người học dự kiểm tra kết thúc môn học (theo mã đề đã được xác định).
- Trước giờ kiểm tra kết thúc môn học giảng viên/giáo viên coi thi kết thúc môn nhận đề thi kết thúc môn tại bộ phận khảo thí và tiến hành các thủ tục thi kết thúc môn học theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo đã phê duyệt theo từng năm học;
- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giáo viên bộ môn phải nhập điểm trên phần mềm đào tạo đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;
- Sau khi kết thúc môn học/mô đun 01 tuần, giảng viên/giáo viên giảng dạy phải hoàn tất nhập điểm trên phần mềm và nộp kết quả điểm về phòng đào tạo.

7.4. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo nghề đã đăng ký học tập và các điều kiện hoàn thành học phí, hồ sơ đầu vào, điểm rèn luyện học tập của khóa học.
- Người học dự thi tốt nghiệp bao gồm: **Lý thuyết chuyên môn; Thực hành.**

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút.
2	Thực hành	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, **cấp bằng tốt nghiệp trung cấp** theo quy định của trường.

7.5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

- Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của nhà trường.
- Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng trường, do hiệu trưởng quyết định.

8. Tài liệu tham khảo:

- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 về Quy định qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 về Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;
- Thông tư 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về

năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 28/12/2018 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin;
- Quyết định số 73/QĐ-CĐKNII ngày 04/06/2024 Ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Văn Hưng